TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 19-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú.

2. Bà Trần Xuân Đạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-DSST ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST - DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh D (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị B (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, bà Nguyễn Thi T có cho vợ chồng ông Lê Thanh D, bà Nguyễn Thị B vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khi vay có làm hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng V. Thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày vay. Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Đến nay ông D, bà B vẫn chưa trả số tiền vay và lãi suất nên bà T khởi kiện yêu cầu ông D, bà B trả số tiền gốc là 100.000.000đ,

tiền lãi tính trong hạn tính từ ngày 30/10/2019 đến 30/10/2020 với mức lãi suất 10%/năm và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31/10/2020 đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất 15%/năm. Đồng thời yêu cầu ông D, bà B tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quy định đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 27/11/2020 của Tòa án xác minh tại Công an xã L xác định: ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị B có đăng ký hộ khẩu tại ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và hiện nay vẫn còn sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông D, bà B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng theo luật định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông D, bà B trả số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho bà T theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu ông D, bà B trả số tiền vay và tiền lãi, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bị đơn cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ hợp đồng vay tài sản do bà T cung cấp thể hiện ngày cho vay là 30/10/2019, ngày trả nợ 30/10/2020. Như vậy, ngày 02/11/2020 bà T nộp đơn khởi kiện đối với ông D, bà B tại Tòa án là đủ điều kiện khởi kiện và vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông D, bà B trả số tiền gốc là 100.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không giao nộp tài liệu chứng cứ, cũng không có lời khai trình bày ý kiền về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án để xem xét, giải quyết vụ án.

Theo tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp là "Hợp đồng vay tài sản" đề ngày 30/10/2019, được công chứng tại văn phòng công chứng V, thể hiện nội dung bà T cho ông D, bà B vay số tiền 100.000.000đ, hạn trả là 12 tháng tính từ ngày vay đến ngày 30/10/2020. Theo bà T thì đến nay ông D, bà B vẫn chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà B không có văn bản trình bày ý kiến về việc bác bỏ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hợp đồng có chữ ký của các bên, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được công chứng tại văn phòng công chứng. Do đó, xác định việc ông D, bà B có nợ bà T số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng trên và đúng. Theo hợp đồng trên thì các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc là ngày 30/10/2020, như vậy đến nay ông D, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông D, bà B liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

[4] Về tiền lãi: Xét hợp đồng ngày 30/10/2019 thể hiện về lãi suất các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy có cơ sở cho rằng đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Do đó yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông D, bà B trả tiền lãi trong hạn với mức lãi suất 10%/năm và lãi quá hạn với mức lãi suất 15%/năm là phù hợp nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể lãi được tính như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/10/2019 đến 30/10/2020 là 01 năm: 100.000.000đ x 10%/năm x 01 năm = 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tiền lãi quá hạn tính từ 31/10/2020 đến ngày xét xử vụ án là 05 tháng 20 ngày: 100.000.000đ x 15%/năm x 05 tháng 20 ngày = 7.083.000đ (bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông D, bà B phải liên đới trả cho bà T là 100.000.000đ + 10.000.000đ + 7.083.000đ = 117.083.000đ (một trăm mười bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng)

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông D, bà B phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 429, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Thanh D, bà Nguyễn Thị B liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền là 117.083.000đ *(một trăm mười bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng)*, trong đó tiền gốc là 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)*, tiền lãi trong hạn là 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*, tiền lãi quá hạn là 7.083.000đ *(bảy triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng)*

2. Về án phí: Buộc ông D, bà B liên đới chịu 5.854.000đ *(năm triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.819.500đ *(hai triệu tám trăm mười chín ngàn năm trăm đồng)* theo biên lai thu tiền số 0001391 ngày 20/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên